TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 22/2021/HNGĐ-PT
Ngày 01/7/2021
"V/v Chia tài sản chung sau ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH B

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hà.
Các thẩm phán: - Bà Hoàng Thị Thu Hiền.
- Bà Hoàng Thị Hải Hường.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B tham gia phiên tòa: Ông Lương Thất Tùng- Kiểm sát viên.

Trong ngày 01/7/2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2021/TLPT-HNGĐ ngày 24/5/2021,về việc "Chia tài sản chung sau ly hôn".

Do bản án sơ thẩm số 03/2021/HNGĐ-ST ngày 08/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Đ bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2021/QĐ-PT ngày 10/6/2021, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn**: Bà Lưu Thị Th, sinh năm 1966 (Có mặt)
Địa chỉ: Tổ dân phố Thượng 2, thị trấn An Ch, huyện Sơn Đ, tỉnh B.
Hiện đang cư trú tại: Thôn Tân Chung, xã Lệ V, huyện Sơn Đ, tỉnh B.

* **Bị đơn:** Ông Chu Văn S, sinh năm 1964 (Có mặt).
Địa chỉ: Tổ dân phố Thượng 2, thị trấn An Ch, huyện Sơn Đ, tỉnh B.

*** Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Chu Văn Đ, sinh năm 1996, ủy quyền cho ông Chu Văn S tham gia tố tụng, (ông S có mặt).

2. Anh Chu Văn N, sinh năm 2001, ủy quyền cho ông Chu Văn S tham gia tố tụng, (ông S có mặt).

Đều tại địa chỉ: Tổ dân phố Thượng 2, thị trấn An Ch, huyện Sơn Đ, tỉnh B.

3. Bà Vũ Thị Th1, sinh năm 1962, (có mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố Thượng 2, thị trấn An Ch, huyện Sơn Đ, tỉnh B.

4. Bà Phạm Thị T, sinh năm1982, (có mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố Thượng 2, thị trấn An Ch, huyện Sơn Đ, tỉnh B.

Hiện đang cư trú tại: Tổ dân phố số 3, thị trấn An Ch, huyện Sơn Đ, tỉnh B.

5. Bà Vi Thị Ch, sinh năm 1974, (có mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố số 1, thị trấn An Ch, huyện Sơn Đ, tỉnh B.

6. Bà Nguyễn Thị Ch1, sinh năm 1968, (có mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố số 3, thị trấn An Ch, huyện Sơn Đ, tỉnh B.

7. Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Đ, tỉnh B, do ông Đoàn Văn Ng– Chi cục trưởng đại diện. (có mặt trong quá trình xét xử, vắng khi tuyên án).

Địa chỉ: Tổ dân phố số 1, thị trấn An Ch, huyện Sơn Đ, tỉnh B.

8. Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Sơn Đ - B II, do ông Nông Văn Th, phó giám đốc đại diện theo ủy quyền. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố số 3, thị trấn An Ch, huyện Sơn Đ, tỉnh B.

* *Kháng nghị*: Quyết định kháng nghị số 01/QQĐKNPT-VKS-DS ngày 22/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Đ.

* *Người kháng cáo:* Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Đ, bà Vi Thị Ch, bà Vũ Thị Th1, bà Nguyễn Thị Ch1, bà Phạm Thị T - là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn và các lời khai tiếp theo tại Tòa án bà Chu Thị Thủy trình bày: Cuối năm 2019 ông Chu Văn S đề nghị Tòa án giải quyết cho ông và bà được ly hôn. Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 02/2020/QĐST- HNGĐ ngày 6/01/2020, Tòa án huyện Sơn Đ giải quyết về quan hệ hôn nhân, không giải quyết về con chung, không giải quyết tài sản chung, do vợ chồng đã thỏa thuận chia tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ cuối tháng 01/2020 đến giữa tháng 6/2020 bà bị bà Phạm Thị T khởi kiện đòi tiền là 300.000.000 đồng, bà Vũ Thị Th1 khởi kiện đòi tiền là 245.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị Ch1 khởi kiện đòi tiền là 500.000.000 đồng và bà Vi Thị Ch

khởi kiện đòi tiền là 510.000.000đồng. Bà phải chịu án phí các khoản tiền mà bà phải trả bà T, bà Chuyên, bà Th1, Vi Thị Ch tại Chi cục Thi hành án dân sự. Căn cứ vào Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, đơn đề nghị Thi hành án, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Đ xác định tài sản chung của bà và ông S chưa được giải quyết nên ra thông báo về việc xác định, phân chia tài sản chung để thi hành án.

Ngày 25/12/2019 bà, ông S và hai con là Chu Văn Đ, Chu Văn N thỏa thuận, ông S và các con nhận tài sản là nhà và đất gồm: 01 mảnh đất ở tại thửa đất số 59, tờ bản đồ số 1, diện tích đất ở là 69m^2, tổ dân phố Thượng 2, thị trấn An Ch, huyện Sơn Đ, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: S023453, số vào sổ cấp GCNQSD đất: 00167/QSDĐ/H ngày 4/7/2001 cho hộ ông Chu Văn S, tài sản trên đất là 01 ngôi nhà 3 tầng, giá trị tài sản là nhà + đất ước tính là 2.400.000.000 đồng (Hai tỷ, bốn trăm triệu đồng chẵn). Ông S và các con trả ngay cho bà tiền trích chia tài sản chung là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng chẵn), mặc dù không có sự thỏa thuận trong biên bản nhưng ông S phải có trách nhiệm trả nợ chung của ông và bà tại Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Sơn Đ số tiền gốc thời điểm thỏa thuận là khoảng 480.000.000 đồng, tiền lãi 30.000.000 đồng và lãi suất đến khi trả xong nợ.

Việc thỏa thuận chia tài sản chung giữa bà và ông Chu Văn S cùng hai con là Chu Văn N và Chu Văn Đ là thỏa thuận tại gia đình, sau đó đến UBND xã An Ch, huyện Sơn Đ đề nghị ký xác nhận. Sau khi nhận được khoản tiền mà ông S và hai con trích chia tài sản, bà đã trả cho bà Phạm Thị H02 lần là ngày 15/01/2020 số tiền là 200.000.000 đồng và ngày 6/02/2020 số tiền là 125.000.000 đồng, tổng cộng là 325.000.000 đồng; trả bà Đỗ Thị H1ngày 16/02/2020 số tiền là 600.000.000 đồng; trả ông Hoàng Văn Th1ngày 10/01/2020 số tiền là 500.000.000 đồng. Bà xác định số tiền bà trả những người trên là tiền bà nhận từ ông S, ngoài ra bà cũng đã gán nợ bằng đất nông nghiệp cho bà Đào Thanh Lvà trả một số người khác vào khoảng từ tháng 7 đến tháng 11/2019.

Bà đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận chia tài sản chung của bà và ông Chu Văn S cùng các con ngày 25/12/2019, tài sản thỏa thuận là mảnh đất ở tại thửa đất số 59, tờ bản đồ số 1, diện tích đất ở là 69m^2, tổ dân phố Thượng 2, thị trấn An

Ch, huyện Sơn Đ và ngôi nhà 3 tầng trên đất, giá trị nhà và đất là 2.400.000.000 đồng. Bà không đề nghị Tòa án giải quyết chia tài sản chung.

Tại bản tự khai ngày 10/9/2020 và các lời khai tiếp theo bị đơn ông Chu Văn S trình bầy: Ông thừa nhận thời điểm tháng 12/2019 khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, ông làm đơn và đề nghị Tòa án huyện Sơn Đ giải quyết ly hôn đối với bà Lưu Thị Th. Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 02/2020/QĐST- HNGĐ ngày 6/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Đ giải quyết về quan hệ hôn nhân, không giải quyết về nghĩa vụ nuôi con, không giải quyết về tài sản chung do hai người đã tự thỏa thuận chia xong.

Do bà Lưu Thị Th còn nợ rất nhiều người, những người này đang có đơn đề nghị Cơ quan Thi hành án thi hành khoản tiền mà bà Th phải trả theo thỏa thuận và bà Th đang phải trả tiền án phí thi hành án. Cơ quan Thi hành án có văn bản yêu cầu giải quyết chia tài sản chung của ông và bà Th, ông không nhất trí. Xác định tài sản chung của ông và bà Th là mảnh đất ở tại thửa đất số 59, tờ bản đồ số 1, diện tích đất ở là 69m^2, tổ dân phố Thượng 2, thị trấn An Ch, huyện Sơn Đ và ngôi nhà 3 tầng, trị đất và nhà là 2.400.000.000 đồng.

Ông cùng các con là Chu Văn N, Chu Văn Đ được sở hữu nhà và sử dụng mảnh đất nhưng phải trích chia tài sản chung cho bà Th số tiền là 1.000.000.000 đồng. Ông phải trả nợ khoản vay chung của ông và bà Th tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh huyện Sơn Đ - B II số tiền gốc thời điểm thỏa thuận là 480.000.000 đồng và lãi suất khoảng 30.000.000 đồng. Ông đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận chia tài sản chung của ông cùng bà Th và các con như theo biên bản tự phân chia tài sản chung ngày 25/12/2019, ông không đề nghị Tòa án giải quyết chia tài sản chung.

Ông được sự ủy quyền của hai con là Chu Văn Đ và Chu Văn N, để tham gia giải quyết tại Tòa án, anh N và Đông đều có ý kiến không yêu cầu Tòa án trích chia công sức đóng góp vào khối tài sản chung của bố mẹ. Đề nghị Tòa án công nhận việc thỏa thuận chia tài sản chung của gia đình ngày 25/12/2019.

Tại bản tự khai đều ghi ngày 10/9/2020 các anh Chu Văn Đ, Chu Văn N đều trình bày: Các anh là con của ông Chu Văn S và bà Lưu Thị Th, trong khối tài sản chung hiện tại của ông S và bà Th thì các anh đều có công sức đóng góp một phần vào khối tài sản chung. Giữa bố mẹ và các anh đã có sự thống nhất thỏa thuận về

chia tài sản chung, cụ thể các anh và ông S trích chia tài sản chung cho bà Th số tiền 1.000.000.000 đồng. Các anh và ông S được sở hữu nhà và sử dụng mảnh đất, nhưng phải trả nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyên Sơn Động. Các anh ủy quyền cho bố là ông Chu Văn S tham gia tố tụng, mọi ý kiến trình bày của ông S tại Tòa án, các anh đều nhất trí.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 11/11/2020 và các lời khai tiếp theo người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị T trình bày: Tại quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự số: 01/2020/QĐST-DS ngày 25/02/2020 của Tòa án huyện Sơn Đ, bà Th phải trả bà 300.000.000 đồng và thanh toán làm 06 lần. Cụ thể: Lần 1: Ngày 30/6/2020 bà Th phải trả 50.000.000 đồng. Lần 2: Ngày 30/12/2020 bà Th phải trả 50.000.000 đồng. Lần 3: Ngày 30/6/2021 bà Th phải trả 50.000.000 đồng. Lần 4: Ngày 30/12/2021 bà Th phải trả 50.000.000 đồng. Lần 5: Ngày 30/6/2022 bà Th phải trả 50.000.000 đồng. Lần 6: Ngày 30/12/2022 bà Th phải trả 50.000.000 đồng.

Tại quyết định Thi hành án theo đơn yêu cầu số: 94/QĐ-CCTHADS ngày 22/7/2020 yêu cầu bà Th phải trả cho bà số tiền là 50.000.000 đồng, và Quyết định Thi hành án theo đơn yêu cầu số: 07/QĐ-CCTHADS ngày 18/01/2021 yêu cầu bà Th phải trả cho bà số tiền là 50.000.000 đồng. Bà không có yêu cầu độc lập trong vụ án, bà đề nghị giải quyết vụ án theo nguyên đơn và đề nghị bà Th phải trả bà tiền theo như bà và bà Th đã thỏa thuận. Bà đề nghị Tòa án không công nhận sự thỏa thuận chia tài sản chung của bà Th, ông S và các con ngày 25/12/2019.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 11/11/2020 và các lời khai tiếp theo người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị Th1 trình bày: Tại quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự số: 09/2020/QĐST-DS ngày 18/6/2020, bà Th phải trả bà số tiền là 245.000.000 đồng vào ngày 10/7/2020. Bà Th không Th hiện việc trả nợ, bà làm đơn đề nghị Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Đ thi hành khoản nợ trên. Tại quyết định Thi hành án theo đơn yêu cầu số: 90/QĐ-CCTHADS ngày 14/7/2020, yêu cầu bà Th phải trả cho bà số tiền là 245.000.000 đồng. Thời điểm tháng 11/2019 bà có được bà Th thanh toán nợ bằng trả đất nông nghiệp, số tiền thanh toán nợ là 325.000.000 đồng. Bà đề nghị Tòa án không công nhận sự thỏa thuận chia tài sản chung của bà Th, ông S và các con ngày 25/12/2019.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 11/11/2020 và các lời khai tiếp theo người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ch1 trình bày: Tại quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự số: 10/2020/QĐST-DS ngày 18/6/2020, bà Th phải trả bà số tiền là 500.000.000 đồng ngày 10/7/2020. Đến thời hạn thanh toán nợ bà Th không trả, bà làm đơn đề nghị Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Đ thi hành khoản tiền mà bà Th phải trả. Tại quyết định Thi hành án theo đơn yêu cầu số: 89/QĐ-CCTHADS ngày 14/7/2020, bà Th phải trả cho bà số tiền là 500.000.000 đồng. Bà đề nghị Tòa án không công nhận sự thỏa thuận chia tài sản chung của bà Th, ông S và các con ngày 25/12/2019.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 11/11/2020 và các lời khai tiếp theo người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Vi Thị Ch trình bày: Tại quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự số: 11/2020/QĐST-DS ngày 18/6/2020, bà Th phải trả bà số tiền là 510.000.000 đồng vào ngày 10/7/2020. Đến thời hạn bà Th không trả nợ theo thỏa thuận, bà làm đơn đề nghị Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Đ thi hành khoản tiền bà Th phải trả. Tại quyết định Thi hành án theo đơn yêu cầu số: 95/QĐ-CCTHADS ngày 14/7/2020, yêu cầu bà Th trả cho bà số tiền 510.000.000 đồng. Bà đề nghị Tòa án không công nhận sự thỏa thuận chia tài sản chung của bà Th, ông S và các con ngày 25/12/2019.

Tại công văn số: 150/CCTHADS ngày 21/10/2020 và các lời khai tiếp theo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Sơn Đ do bà Nguyễn Thị Hòa, thư ký thi hành án đại diện theo ủy quyền và tại phiên tòa người được ủy quyền ông Vi Văn Lưu, chấp hành viên trình bày: Căn cứ vào Quyết định thỏa thuận số: 01/2020/QĐDS-ST ngày 25/02/2020 giữa bà Phạm Thị T và bà Lưu Thị Th, thì bà Th phải trả nợ bà T là 300.000.000 đồng; Quyết định thỏa thuận số: 09/2020/QĐDS-ST ngày 18/6/2020 giữa bà Vũ Thị Th1 và bà Lưu Thị Th , thì bà Th phải trả nợ bà Th1 là 245.000.000 đồng; Quyết định thỏa thuận số: 10/2020/QĐDS-ST ngày 18/6/2020 giữa bà Nguyễn Thị Ch1 và bà Lưu Thị Th thì bà Th phải trả nợ bà Chuyên là 500.000.000 đồng; Quyết định thỏa thuận số: 11/2020/QĐDS-ST ngày 18/6/2020 giữa bà Vi Thị Ch và bà Lưu Thị Th thì bà Th phải trả nợ Vi Thị Ch là 510.000.000 đồng. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Đ đã ban hành các Quyết định về việc chủ động thi hành án số: 54/QĐ-CCTHADS ngày 10/3/2020; Quyết định về việc chủ động thi hành án số: 79/QĐ-CCTHADS ngày 7/7/2020; Quyết định về việc chủ động thi hành án số: 80/QĐ-CCTHADS ngày 7/7/2020; Quyết định về việc chủ động thi hành án số: 85/QĐ-CCTHADS ngày 7/7/2020. Theo đó, số tiền án phí sơ thẩm bà Th phải nộp là 34.075.000 đồng, bà Th đã nộp 1.750.000 đồng tiền án phí, bà Th còn phải nộp là 32.325.000 đồng (Ba mươi hai triệu, ba trăm hai mươi lăm ngàn đồng) tiền án phí.

Chi cục Thi hành án ban hành 04 Quyết định thi hành án gồm: Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số: 89/QĐ-CCTHADS ngày 14/7/2020 buộc bà Lưu Thị Th phải trả bà Nguyễn Thị Ch1 số tiền là là 500.000.000 đồng; Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số: 90/QĐ-CCTHADS ngày 14/7/2020 buộc bà Lưu Thị Th phải trả bà Vũ Thị Th1 số tiền là là 245.000.000 đồng; Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số: 94/QĐ-CCTHADS ngày 22/7/2020 buộc bà Lưu Thị Th phải trả bà Phạm Thị T số tiền là là 50.000.000 đồng và Quyết định Thi hành án theo đơn yêu cầu số: 07/QĐ-CCTHADS ngày 18/01/2021 bà Lưu Thị Th phải trả bà Phạm Thị T số tiền là là 50.000.000 đồng; Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số: 95/QĐ-CCTHADS ngày 3/8/2020 buộc bà Lưu Thị Th phải trả bà Vi Thị Ch số tiền là là 510.000.000 đồng.

Quá trình tổ chức thi hành án, xác minh bà Lưu Thị Th có tài sản chung với ông Chu Văn S là thửa đất số: 59, tờ bản đồ số: 01, diện tích là 69m^2 và ngôi nhà 3 tầng tại tổ dân phố Thượng 2, thị trấn An Ch, huyện Sơn Đ, tỉnh B. Vợ chồng bà Th ông S ly hôn ngày 06/01/2020 nhưng chưa thực hiện phân chia tài sản chung. Bà Th cung cấp cho Chi cục thi hành án 01 biên bản thỏa thuận tự nguyện giải quyết phân chia tài sản đề ngày 25/12/2019, có nội dung ông S và các con chia cho bà Th 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) để bà Th trả nợ. Bà Th khai là dùng số tiền 1.000.000.000 đồng để trả nợ cho bà Phạm Thị Hiền; bà Vũ Thị Th1; bà Phạm Thị T; bà Đào Thanh Lnhưng thực tế những người trên không được nhận tiền mặt bà Th trả sau khi bà Th nhận tiền từ ông S, những người trên được bà Th trả nợ bằng gán đất nông nghiệp và gán nợ từ thời điểm trước tháng 12/2019.

Do vậy việc bà Th, ông S tự thỏa thuận phân chia tài sản chung là hành vi giả tạo nhằm trốn tránh nghĩa vụ với người thứ ba, mặt khác tài sản thỏa thuận dang thế chấp tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Sơn Đ - B II, khi bà Th, ông S và các con thỏa thuận về phân chia tài sản chung không thỏa thuận về việc phải trả nợ cho Ngân hàng cũng không được sự nhất trí của Ngân hàng là bên nhận thế chấp tài. Biên bản thỏa thuận tự nguyện phân chia tài sản có xác nhận của UBND xã An Ch, nhưng đây chỉ là xác nhận hộ khẩu, không phải xác nhận nội dung biên bản phân chia. Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Sơn Đ đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Đ không công nhận biên bản thỏa thuận tự nguyện giải quyết phân chia tài sản giữa ông Chu Văn S và bà Lưu Thị Th ngày 25/12/2019.

Tại văn bản ngày 19/10/2020 và các lời khai tiếp theo người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nông Văn Th, phó giám đốc là đại diện Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Sơn Động - B II trình bày: Ông Chu Văn S vay vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) - Chi nhánh huyện Sơn Đ, Bắc Giang theo Hợp đồng tín dụng số:

2509LAV2017 010564, số tiền vay là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng), thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày 31/7/2017 đến ngày 31/7/2022, lãi suất là 11%/năm. Tài sản thế chấp là 01 giấy CNQSD đất số sổ: S023453 do UBND huyện Sơn Đ cấp ngày 4/7/2001 cho hộ ông Chu Văn S bằng Hợp đồng đảm bảo số: 2509LCL201603141 ngày 21/7/2016. Tính đến thời điểm ngày 26/01/2021 ông Chu Văn S còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 299.810.000 đồng, tiền lãi còn 1.716.720 đồng.

Bà Lưu Thị Th còn nợ riêng với nợ Ngân hàng tại Hợp đồng tín dụng số: 2509LAV201701288 ngày 15/6/2017, số tiền gốc là 85.000.000 đồng, tiền lãi từ ngày 17/6/2019 đến ngày 26/01/2021 chưa thanh toán là 21.525.924 đồng. Tại Hợp đồng tín dụng số: 2509LAV201803148 ngày 21/12/2018 số tiền gốc là 60.500.000 đồng, tiền lãi từ ngày 01/8/2019 đến ngày 26/01/2021 chưa thanh toán là 10.452.472 đồng.

Đối với khoản vay nợ của ông Chu Văn S với Ngân hàng có thế chấp Giấy CNQSD đất và tài sản gắn liền với đất, hiện tại ông S đang quản lý thì ông S vẫn thanh toán nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng đầy đủ. Đối với 02 khoản nợ của bà Lưu Thị Th hiện đang có dư nợ tại Ngân hàng hiện không thanh toán được gốc và lãi thì đây là khoản nợ của bà Th tự đứng tên vay nợ. Trong vụ án công nhận sự thỏa thuận về việc chia tài sản chung của ông S và bà Th giải quyết tại Tòa án, thì Ngân hàng không có yêu cầu độc lập trong vụ án này mà chỉ tham gia tố tụng với bên nguyên đơn và bên bị đơn trong vụ án. Sau này nếu ông S và bà Th không Th hiện việc trả nợ với Ngân hàng thì Ngân hàng sẽ khởi kiện bằng một vụ việc dân sự khác.

Với nội dung nêu trên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 03/2021/HNGĐ-ST ngày 08/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Đ đã xử:

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 35, Điều 38, Điều 39, Điều 41 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Điều 212, Điều 213, và Điều 220 của Bộ Luật Dân sự. Khoản 1 Điều 24 và Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH khóa 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị Th: Công nhận sự thỏa thuận chia tài sản chung của bà Lưu Thị Th và ông Chu Văn S theo biên bản thỏa thuận tự nguyện giải quyết phân chia tài sản ngày 25/12/2019.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 22/4/2021, Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Đ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo. Nội dung kháng cáo: Đề nghị Tòa cấp phúc

thẩm hủy phần nội dung công nhận thỏa thuận chia tài sản chung của bà Lưu Thị Th và ông Chu Văn S mà Tòa án nhân dân huyện Sơn Đ đã tuyên; không công nhận sự thỏa thuận chia tài sản chung của bà Lưu Thị Th và ông Chu Văn S theo biên bản thỏa thuận tự nguyện giải quyết phân chia tài sản ngày 25/12/2019.

Ngày 22/4/2021, bà Vi Thị Ch, bà Vũ Thị Th1, bà Phạm Thị T, bà Nguyễn Thị Ch1 là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo. Nội dung kháng cáo: Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử lại, không công nhận sự thỏa thuận chia tài sản chung của bà Lưu Thị Th và ông Chu Văn S.

Ngày 22/4/2021, Viện kiểm sát nhân huyện Sơn Đ có Quyết định số 01/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị đối với bản án sơ thẩm. Nội dung kháng nghị: Kháng nghị toàn bộ Bản án sơ thẩm số 03/2021/HNGĐ-ST ngày 08/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Đ. Sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của bà Th.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn là bà Lưu Thị Th không rút đơn khởi kiện, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Đ, bà Vũ Thị Th1, bà Phạm Thị T, bà Vi Thị Ch, bà Nguyễn Thị Ch1 không rút đơn kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B không rút kháng nghị. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Đ trình bầy: Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Đ xác định biên bản thỏa thuận tự nguyện giải quyết phân chia tài sản giữa ông Chu Văn S và bà Lưu Thị Th, đồng thời phân chia tài sản chung hộ gia đình của ông Chu Văn S, bà Lưu Thị Th là vi phạm quy định của pháp luật vì những lý do sau:

Thứ nhất, tại biên bản làm việc ngày 09/7/2020, bà Th cung cấp đã dùng số tiền mặt là 1.000.000.000đồng để trả nợ các ông, bà sau: bà Phạm Thị Hiền, địa chỉ: tổ dân phố Hạ 2, thị trấn An Ch, huyện Sơn Đ, tỉnh B, bà Đào Thanh Luận, địa chỉ: tổ dân phố khu 1, thị trấn An Ch, huyện Sơn Đ, tỉnh B. Xác minh lời trình bày của bà Lưu Thị Th thì được biết bà Lưu Thị Th không trả nợ cũng như trả tiền mặt cho các ông, bà Phạm Thị Hiền, bà Vũ Thị Th1, bà Phạm Thị T, bà Đào Thanh L(có kèm theo biên bản xác minh ngày 13/7/2020). Như vậy, việc thỏa thuận tự nguyện phân chia tài sản giữa ông Chu Văn S, bà Lưu Thị Th và các thành viên trong hộ gia đình ông S là hành vi giả tạo nhằm trốn tránh nghĩa vụ với người thứ ba (những người đã cho bà Th vay tiền), tẩu tán tài sản, trốn tránh việc thi hành án, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích của người thứ ba, vi phạm khoản 1 Điều 124 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 6 Luật thi hành án dân sự.

Thứ hai, qua xác minh điều kiện thi hành án cho thấy: Hiện tại, hộ gia đình ông Chu Văn S đang thế chấp tài sản là quyền sử dụng thửa đất nêu trên để vay vốn tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện

Sơn Đ, B II. Nhưng khi thực hiện thỏa thuận phân chia tài sản thì không có nội dung thỏa thuận về việc trả nợ cho Ngân hàng và cũng không được sự nhất trí của Ngân hàng là bên nhận thế chấp hợp pháp. Do đó, thỏa thuận về việc tự nguyện giải quyết phân chia tài sản của các thành viên hộ gia đình ông Chu Văn S đã vi phạm điều cấm của pháp luật, vi phạm Điều 123 Bộ luật dân sự 2015.

Thứ ba, tại biên bản thỏa thuận tự nguyện phân chia tài sản giữa ông Chu Văn S, bà Lưu Thị Th có xác nhận của UBND xã An Ch. Việc xác nhận này của UBND xã An Ch chỉ xác nhận việc gia đình ông Chu Văn S, bà Lưu Thị Th có hộ khẩu thường trú tại xã An Ch chứ không xác nhận nội dung biên bản phân chia.

Do vậy, việc xác nhận ông S, bà Th giao tiền tại Ủy ban nhân dân xã An Ch là không có căn cứ. Chi cục thi hành án huyện Sơn Đ xác định biên bản thỏa thuận nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Sự thỏa thuận ảnh hưởng đến quyền, nghĩa vụ cảu người thứ bà và đã vi phạm vào Điều 123 Bộ luật dân sự.

- Bà Vũ Thị Th1, bà Phạm Thị T, bà Vi Thị Ch, bà Nguyễn Thị Ch1 thống nhất trình bày: Bản án sơ thẩm đã tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị Th, công nhận sự thỏa thuận chia tài sản chung của bà Lưu Thị Th và ông Chu Văn S theo biên bản thỏa thuận tự nguyện giải quyết phân chia tài sản ngày 25/12/2019 của gia đình ông S, bà Th là không đúng pháp luật, việc thỏa thuận phân chia tài sản chung của gia đình bà Th là nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các bà.

- Bà Lưu Thị Th trình bày: Bà không đồng ý với kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và kháng nghị của Viện kiểm sát. Bà đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận chia tài sản chung của bà và các thành viên trong gia đình. Sau khi nhận số tiền một tỷ từ ông S và các con, bà đà đã trả cho bà Thảo, bà Hiền, bà H1là những người chưa hởi kiện đến Tòa án. Bà không trả cho những người đang được thi hành án.

- Ông Lưu Văn Sơn trình bày: Khi thỏa thuận phân chia tài sản ông và các con đã trả đủ cho bà Th số tiền 1.000.000.000đồng. Nay ông không đồng ý với kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Đ. Đề nghị công nhận sự thỏa thuận chia tài sản chung của ông, các con và bà Th.

Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Sơn Động- B II có đơn xin vắng mặt và trình bày: Do bận công việc nên đại diện Ngân hàng không thể đến tham dự phiên tòa, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh B cho Ngân hàng được vắng mặt. Đề nghị Tòa án xét xử theo hướng bên nào được chia phần tài sản đã thế chấp tại Ngân hàng thì phải chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng. Nếu các bên không thể thống nhất được thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đảm bảo đúng quy định pháp luật; về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Đ, kháng cáo của bà Th1, bà T, Vi Thị Ch, bà Chuyên, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Đ, sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị Th, không công nhận sự thỏa thuận chia tài sản chung của bà Th và ông S theo biên bản thỏa thuận tự nguyện giải quyết phân chia tài sản ngày 25/9/2019.

Do sửa án sơ thẩm nên bà Th1, bà T, Vi Thị Ch, bà Chuyên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về sự vắng mặt của các đương sự: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Sơn Động- B II vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt Ngân hàng.

[2.]. Về quan hệ tranh chấp: Tại đơn khởi kiện bà Th trình bày, căn cứ vào Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, đơn đề nghị thi hành án, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Đ xác định tài sản chung của bà và ông S chưa được giải quyết nên ra thông báo về việc xác định, phân chia tài sản chung để thi hành án. Bà Th đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận chia tài sản chung của bà và ông Chu Văn S cùng các con ngày 25/12/2019, tài sản thỏa thuận là mảnh đất ở tại thửa đất số 59, tờ bản đồ số 01, diện tích đất ở là 69m^2, tổ dân phố Thượng 2, thị trấn An Ch, huyện Sơn Đ và ngôi nhà 03 tầng trên đất. Do vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là "Tranh chấp về chia tài sản chung sau ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Th yêu cầu công nhận văn bản thỏa thuận ngày 25/12/2019, các đương sự khác không đồng ý, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không giải thích cho các đương sự về việc trường hợp văn bản thỏa thuận không được công nhận thì có yêu cầu chia tài sản chung để thi

hành án không và các đương sự cũng không ai có yêu cầu này nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết việc phân chia tài sản chung của hộ gia đình ông S là chưa giải quyết triệt để vụ án. Do cấp sơ thẩm chưa xem xét, giải quyết nên cấp phúc thẩm không thể xem xét được. Trường hợp văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung không được công nhận, các bên đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác về yêu cầu phân chia tài sản chung của hộ gia đình hoặc tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế thi hành án (nếu Cơ quan thi hành án ra Quyết định cưỡng chế).

[3]. Xét nội dung kháng cáo của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Đ, bà Vũ Thị Th1, chị Phạm Thị T, bà Vi Thị Ch, bà Nguyễn Thị Ch1 và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Đ về việc đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Th về việc công nhận biên bản thỏa thuận tự nguyện giải quyết phân chia tài sản ngày 25/9/2019, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] . Bà Th, ông S và các con là anh Đ, anh N có tài sản chung gồm 69m^2 đất tại thửa số 59, tờ bản đồ số 01, thôn Thượng 2, xã An Ch (nay là tổ dân phố Thượng 2, thị trấn An Ch), huyện Sơn Đ, đã được UBND huyện Sơn Đ cấp giấy giấy chứng nhận quyến sử dụng đất số S023453, số vào sổ cấp GCNQSD đất: 00167/QSDĐ/H ngày 04/7/2001 cho hộ ông Chu Văn S, tài sản trên đất là nhà 3 tầng trên thửa đất nêu trên.

Ngày 21/7/2016 ông S, bà Th đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản nhà gắn liền với đất nêu trên cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Sơn Đ để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ. Cùng ngày 21/7/2016 Hợp đồng thế chấp được chứng thực tại UBND xã An Ch, huyện Sơn Đ và đăng ký tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Sơn Đ.

Ngày 28/7/2017 ông S ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Sơn Đ vay 500.000.000đồng; thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày 28/7/2017 đến ngày 31/7/2002, lãi suất là 11%/1 năm. Nghĩa vụ của hợp đồng được bảo đảm bằng giá trị tài sản theo hợp đồng thế chấp ngày 21/7/2016.

Ngày 31/7/2017, ngân hàng đã giải ngân cho ông S vay 500.000.000đồng. Tính đến ngày 26/01/2021 ông S còn nợ ngân hàng số tiền gốc là 299.810.000đồng, tiền lãi 1.716.720đồng

Ngày 25/12/2019 bà Lưu Thị Th, ông Chu Văn S và các con là Chu Văn Đ, Chu Văn N lập biên bản thỏa thuận tự nguyện giải quyết phân chia tài sản. Biên bản có nội dung: Hai vợ chồng và các con tự thỏa thuận thống nhất phân chia như sau: Giao cho ông S và hai con là anh Đ, anh N được quyền quản lý, sử dụng gồm: 01 lô đất ở diện tích 69m^2, tại thôn Thượng 2, xã An Ch, huyện Sơn Đ, đất đã có GCNQSDĐ mang tên hộ ông Chu Văn S, trên đất có 01 nhà xây cấp 4 có 03 tầng.

Trị giá nhà đất 2.400.000.000đồng. Bà Th được ông S và các con chia trả tiền chênh lệch chia tài sản là 1.000.000.000đồng. Biên bản được Ủy ban nhân dân xã An Ch huyện Sơn Đ xác nhận.

Như vậy, tại thời điểm ngày 25/12/2019, tài sản là quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà trên đất của ông S, bà Th và các con vẫn đang được thế chấp cho Ngân hàng để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của ông S với Ngân hàng. Ông S vẫn còn nợ, chưa trả hết nợ cho Ngân hàng, việc thế chấp tài sản chưa được chấm dứt. Ngân hàng không ký biên bản tham gia thỏa thuận phân chia tài sản cùng với ông S, bà Th, anh Đ, anh N vào ngày 25/12/2019. Ông S, bà Th không thông báo cho Ngân hàng biết thông tin về tài sản thế chấp, về biên bản ngày 25/12/2019. Trong quá trình giải quyết vụ án, ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Giữa Ngân hàng và ông S, bà Th, anh Đ, anh N không cùng thống nhất thỏa thuận giao tài sản đã thế chấp cho ông S, anh Đ, anh N sở hữu, sử dụng; không thống nhất thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Biên bản thỏa thuận ngày 25/12/2019 có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã An Ch, huyện Sơn Đ. Nhưng không ghi ngày tháng năm xác nhận, không được ghi chép vào sổ chứng thực là không đúng quy định tại Điều 24 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ.

Trước thời điểm ngày 25/12/2019 và đến nay bà Th đã vay nợ và còn phải thi hành án trả cho bà Th1, bà T, Vi Thị Ch, bà Chuyên tổng số tiền 1.555.000.000đồng; tiền lãi chậm thi hành án, tiền án phí 32.325.000đồng. Số tiền 1.000.000.000đồng ông S và anh Đ, anh N trả cho bà Th theo như biên bản ngày 25/12/2019 bà Th không dùng để thi hành án. Các đương sự là bà Th1, bà T, Vi Thị Ch, bà Chuyên, Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Đ đều đề nghị Tòa án giải quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Th.

Tại biên bản ngày 09/7/2020 do Cơ quan thi hành án lập bà Th khai bà đã trả cho vợ chồng chị Tình 430.000.000đồng; trả cho bà L260.000.000đồng; trả nhà chị Thơm 325.000.000đồng; trả cho chị Hiền 325.000.000đồng. Nhưng bà Luận, bà Th1, bà T, bà Hđều khai không nhận được tiền do bà Th trả như bà Th đã khai.

Khi khởi kiện yêu cầu Tòa án chia tài sản chung, bà Th lại trình bày số tiền 1.000.000.000đồng bà đã trả bà H325.000.000đồng; trả bà H1600.000.000đồng; trả ông Th1500.000.000đồng (Bà Huyền, ông Th1đều không có yêu cầu Tòa án giải quyết việc vay nợ với bà Th; không nằm trong số những người mà Chi cục thi hành án huyện Sơn Đ ra Quyết định thi hành án đối với bà Th). Như vậy, lời khai của bà Th về việc sử dụng số tiền mà ông S và anh N, anh Đ trả mâu thuẫn, không thống nhất.

Mặt khác, tại Điều 503 Bộ luật dân sự quy định "Việc chuyển quyền sử dụng đất có hiệu lực kể từ thời điểm đăng kỳ theo quy định của Luật đất đai', sau

khi ký văn bản thỏa thuận, ông S và các con chưa làm thủ thục đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền, giấy tờ liên quan đến tài sản thỏa thuận vẫn do ngân hàng giữ. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Th.

Tòa án cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Th, công nhận sự thỏa thuận chia tài sản chung của bà Th và ông S theo biên bản thỏa thuận tự nguyện giải quyết phân chia tài sản ngày 25/12/2019 là không có căn cứ, không đúng quy định tài Điều 320, Điều 321, Điều 321, Điều 323 Bộ luật dân sự; Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự.

Do vậy, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Đ, kháng cáo của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Đ, bà Th1, bà T, Vi Thị Ch, bà Chuyên là có căn cứ cần được chấp nhận.

[3.2]. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định công nhận sự thỏa thuận chia tài sản chung của bà Th và ông S theo biên bản thỏa thuận tự nguyện giải quyết phân chia tài sản ngày 25/12/2019, nhưng không tuyên cụ thể nội dung thỏa thuận là tuyên án không cụ thể, không rõ ràng gây khó khăn cho việc thi hành án.

[3]. Từ nhận định, phân tích nêu trên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận kháng cáo của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Đ, bà Vũ Thị Th1, bà Phạm Thị T, bà Vi Thị Ch, bà Nguyễn Thị Ch1 và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Đ. Sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Sơn Đ.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, khàng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4].Về án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận kháng cáo của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Đ, bà Vũ Thị Th1, bà Phạm Thị T, bà Vi Thị Ch, bà Nguyễn Thị Ch1 và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Đ. Sửa bản án sơ thẩm số 03/021/HNGĐ-ST ngày 08/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Đ. Xử:

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 35, Điều 38, Điều 39, Điều 41 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Điều 123, Điều 124 , Điều 212, Điều 213, và Điều 220 của Bộ Luật Dân sự. Khoản 1 Điều 24 và Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH khóa 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị Th về việc đề nghị công nhận sự thỏa thuận chia tài sản chung của bà Lưu Thị Th và ông Chu Văn S theo biên bản thỏa thuận tự nguyện giải quyết phân chia tài sản ngày 25/12/2019, tài sản thỏa thuận là đất ở tại thửa số 59, tờ bản đồ số 1, diện tích đất ở là 69m^2, tổ dân phố Thượng 2, thị trấn An Ch, huyện Sơn Đ và ngôi nhà 03 tầng trên đất.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lưu Thị Th phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả bà Lưu Thị Th số tiền 39.700.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí; lệ phí Tòa án số: AA/2010/007228 ngày 4/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Đ, tỉnh B.

2.1. Án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Trả lại bà Nguyễn Thị Ch1 số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng đã nộp tại Biên lai số AA/2010/007343 ngày 27/4/2021.

Trả lại bà Vũ Thị Th (do bà Nguyễn Thị Ch1 nộp hộ) số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng đã nộp tại Biên lai số AA/2010/007344 ngày 27/4/2021.

Trả lại bà Vi Thị Ch (do bà Nguyễn Thị Ch1 nộp hộ) số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng đã nộp tại Biên lai số AA/2010/007345 ngày 27/4/2021.

Trả lại bà Phạm Thị T số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng đã nộp tại Biên lai số AA/2010/007351 ngày 05/5/2021.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9- Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30- Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh B;
- VKSND huyện Sơn Đ;
- TAND huyện Sơn Đ;
- THADS huyện Sơn Đ;
- Đương sự;
- Cổng thông tin điện tử của TANDTC;
- Lưu HS, THCTP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hà

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Thu Hiền Hoàng Thị Hải Hường **Trần Thị Hà**